

Số: 28

Ngày 21/7/2025

Bản tin hàng tuần
phát hành ngày thứ Hai

VĂN BẢN PHÁP LUẬT MỚI

Bản tin Văn bản pháp luật mới số 28 có các nội dung đáng chú ý sau:

- [Luật số 82/2025/QH15](#) sửa đổi, bổ sung một số điều của [Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân số 63/2014/QH13](#), có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2025.
- [Luật 77/2025/QH15](#) sửa đổi, bổ sung một số điều của [Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả](#) được Quốc hội thông qua ngày 18/6/2025, có hiệu lực từ ngày 01/01/2026.
- [Nghị định 190/2025/NĐ-CP](#) bổ sung các quy định về xử lý vi phạm hành chính trên môi trường điện tử.
- Văn bản dự thảo: [Luật Tiết kiệm, chống lãng phí](#).
- Mục Giải đáp pháp luật: [Nghị định số 186/2025/NĐ-CP](#) quy định chi tiết một số điều của [Luật Quản lý, sử dụng tài sản công](#).

Xin trân trọng giới thiệu cùng các đơn vị.

VĂN BẢN CỦA QUỐC HỘI

1. MỘT SỐ ĐIỂM MỚI CỦA LUẬT TỔ CHỨC VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN

Ngày 24/6/2025, Quốc hội thông qua [Luật số 82/2025/QH15](#) sửa đổi, bổ sung một số điều của [Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân số 63/2014/QH13](#). Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2025.

Theo Luật này, hệ thống Viện kiểm sát nhân dân gồm Viện kiểm sát nhân dân tối cao; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, thành phố; Viện kiểm sát nhân dân khu vực; và Viện kiểm sát quân sự các cấp. Như vậy, từ ngày 01/7/2025 không còn Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện.

Thẩm quyền quyết định thành lập, giải thể Viện Kiểm sát nhân dân cấp tỉnh và khu vực được giao cho Ủy ban Thường vụ Quốc hội, theo đề nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao.

Viện kiểm sát nhân dân khu vực thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp trong phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ. Luật mới bổ sung các quy định về cơ cấu tổ chức của Viện kiểm sát nhân dân khu vực, nhiệm vụ, quyền hạn của Viện trưởng và Phó Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực.

[Luật 82/2025/QH15](#) mở rộng quyền hạn trong công tác kiểm sát hoạt động tư pháp. Luật đã sửa đổi, bổ sung và làm rõ hơn về quyền hạn của Viện Kiểm sát nhân dân, đặc biệt trong việc xử lý vi phạm. Cụ thể, Viện Kiểm sát nhân dân có quyền xử lý vi phạm và xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi

cản trở hoạt động tố tụng của Viện Kiểm sát nhân dân; yêu cầu, kiến nghị các quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền khắc phục và xử lý nghiêm minh các vi phạm pháp luật trong hoạt động tư pháp; kiến nghị các cơ quan, tổ chức hữu quan áp dụng các biện pháp phòng ngừa vi phạm pháp luật và tội phạm...Đối với công tác kiểm sát thi hành án dân sự và thi hành án hành chính, Luật quy định chi tiết các nhiệm vụ, quyền hạn của Viện Kiểm sát nhân dân, bao gồm: Kiểm sát hồ sơ và hoạt động thi hành án; trực tiếp kiểm sát tại cơ quan, tổ chức và cá nhân thi hành án; yêu cầu Tòa án, cơ quan thi hành án dân sự, Chấp hành viên thực hiện đúng quy định pháp luật và cung cấp tài liệu liên quan; kháng nghị các quyết định, hành vi trái pháp luật của Tòa án, cơ quan thi hành án, Chấp hành viên,...

Về công tác xây dựng pháp luật, [Luật số 82/2025/QH15](#) quy định Viện kiểm sát nhân dân tối cao có quyền đề xuất nhiệm vụ lập pháp, đề xuất xây dựng, trình dự án luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức hữu quan trong công tác xây dựng pháp luật; ban hành văn bản pháp luật thuộc thẩm quyền theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. SỬA ĐỔI MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG TIẾT KIỂM VÀ HIỆU QUẢ

[Luật 77/2025/QH15](#) được Quốc hội thông qua ngày 18/6/2025, sửa đổi, bổ sung một số điều của [Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả số 50/2010/QH12](#) đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo [Luật số 28/2018/QH14](#).

Luật này có hiệu lực từ ngày 01/01/2026, bổ sung một số định nghĩa mới chưa được đề cập trong Luật năm 2010, bao gồm: “mức hiệu suất năng lượng cao”, “tổ chức dịch vụ năng lượng”, “hợp đồng hiệu quả năng lượng” và “chứng chỉ quản lý năng lượng”. Những khái niệm này giúp cụ thể hóa các chủ thể, công cụ và hoạt động liên quan đến dịch vụ năng lượng chưa được quy định trước đây.

Về chính sách của Nhà nước về sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả, nội dung sửa đổi nêu rõ, tăng cường đầu tư, sử dụng đa dạng hình thức huy động nguồn lực để đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển và ứng dụng công nghệ tiên tiến, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi xanh, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng, công cụ nâng cao năng suất, chất lượng tiên tiến về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; phát triển năng lượng tái tạo phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của Việt Nam góp phần bảo đảm an ninh năng lượng, bảo vệ môi trường; khuyến khích phát triển những ngành, nghề, lĩnh vực tiêu thụ ít năng lượng, tài nguyên, tạo ra giá trị gia tăng cao. Tăng cường biện pháp kiểm soát đối với những ngành, nghề, lĩnh vực có cường độ sử dụng năng lượng cao, tiêu thụ nhiều tài nguyên thiên nhiên. Nhà nước khuyến khích, hỗ trợ phát triển dịch

vụ năng lượng; đầu tư hợp lý cho công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức và hỗ trợ cộng đồng về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; tổ chức chương trình đào tạo nâng cao năng lực chuyên môn, cập nhật kiến thức cho tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực tiết kiệm năng lượng, đặc biệt là kiểm toán viên năng lượng và người quản lý năng lượng tại cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm; khuyến khích, hỗ trợ cơ sở sử dụng năng lượng ký kết thỏa thuận tự nguyện về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả với cơ quan quản lý nhà nước hoặc tổ chức cung cấp năng lượng do Nhà nước quản lý hoặc ủy quyền.

Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả là một chỉ tiêu trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội quốc gia, tỉnh, thành phố và cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm. Tỉnh, thành phố căn cứ vào điều kiện kinh tế - xã hội xây dựng kế hoạch sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả hằng năm và năm năm.

Đối với tổ chức dịch vụ năng lượng, [Luật 77/2025/QH15](#) quy định các hoạt động cho các tổ chức này, gồm: Kiểm toán năng lượng; chuyển giao công nghệ tiết kiệm năng lượng, công nghệ thân thiện với môi trường; đào tạo kiểm toán viên năng lượng, người quản lý năng lượng, tư vấn áp dụng mô hình quản lý năng lượng tiên tiến; tư vấn, đầu tư thực hiện biện pháp tiết kiệm năng lượng, thực hiện hợp đồng hiệu quả năng lượng đối với cơ sở sử dụng năng lượng; cung cấp thông tin, quảng bá về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; dịch vụ khác

về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

Chính phủ quy định điều kiện đầu tư kinh doanh kiểm toán năng lượng; xây dựng cơ chế hỗ trợ, khuyến khích để hình thành hệ thống tổ chức dịch vụ năng lượng.

3. ĐẦU TƯ DỰ ÁN ĐƯỜNG SẮT BẰNG NGUỒN VỐN NGOÀI NHÀ NƯỚC

Luật Đường sắt được Quốc hội thông qua ngày 27/6/2025 với một trong những điểm mới quan trọng là quy định về đầu tư dự án đường sắt bằng nguồn vốn ngoài nhà nước. Quy định này mở ra cơ hội để huy động tối đa nguồn lực, đặc biệt là nguồn lực của khu vực kinh tế tư nhân tham gia vào đầu tư phát triển hệ thống đường sắt. Bên cạnh đó, Luật có các quy định ràng buộc, kiểm soát bảo đảm vừa huy động được nguồn lực tư nhân, vừa giữ được vai trò quản lý của Nhà nước đối với hệ thống đường sắt.

Luật này có hiệu lực từ ngày 01/01/2026, quy định về hoạt động đường sắt; quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động đường sắt.

Luật quy định nhiều chính sách ưu đãi, hỗ trợ của Nhà nước về phát triển đường sắt như ưu tiên phân bổ ngân sách, huy động nguồn lực của địa phương, ưu tiên dành quỹ đất, ngành, nghề ưu đãi đầu tư, sử dụng dải tần số vô tuyến điện dành riêng cho công tác điều hành giao thông vận tải đường sắt và hệ thống cấp điện sức kéo phục vụ chạy tàu, miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất đối với đất dành cho đường sắt, vay vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước,

ưu đãi về thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp,...

Các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động kinh doanh đường sắt được miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất đối với đất dành cho đường sắt; được vay vốn tín dụng đầu tư hoặc được cấp bảo lãnh Chính phủ về vốn vay khi đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia, đường sắt địa phương, khi mua sắm phương tiện giao thông đường sắt, máy móc, thiết bị phục vụ bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt và phát triển công nghiệp đường sắt; được hỗ trợ một phần vốn ngân sách nhà nước và vốn tín dụng ưu đãi khi tham gia hoạt động kinh doanh đường sắt tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, trợ giá cho hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng đường sắt đô thị; ưu tiên mua, sử dụng hàng hóa, dịch vụ trong nước hoặc phải mua, sử dụng hàng hóa, dịch vụ từ nhà sản xuất hoặc cung ứng dịch vụ trong nước, trừ dự án đầu tư xây dựng đường sắt và dự án mua sắm, đóng mới đầu máy, toa xe đường sắt.

Nhà nước khuyến khích, hỗ trợ, tạo điều kiện và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài đầu tư, kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt và kinh doanh vận tải đường sắt; kết nối đường sắt với các phương thức vận tải khác; phát triển công nghiệp đường sắt, nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển giao công nghệ, chuyển đổi số và đào tạo, phát triển nguồn nhân lực.

4. LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG

[Luật số 96/2025/QH15](#) sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng đã được Quốc hội thông qua tại kỳ họp thứ 9 và có hiệu lực thi hành từ ngày 15/10/2025.

Luật này sửa đổi quy định về khoản vay đặc biệt của Ngân hàng Nhà nước và bổ sung các quy định về quyền thu giữ tài sản bảo đảm, kê biên tài sản của bên phải thi hành án đang được sử dụng làm tài sản bảo đảm cho khoản nợ xấu, hoàn trả tài sản bảo đảm là vật chứng trong vụ án hình sự.

Theo [Luật số 96/2025/QH15](#), Ngân hàng Nhà nước quyết định cho vay đặc biệt có tài sản bảo đảm, không có tài sản bảo đảm đối với tổ chức tín dụng trong trường hợp quy định tại [khoản 1 Điều 192](#) của [Luật Các tổ chức tín dụng](#) với lãi suất 0%/năm. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về tài sản bảo đảm của khoản vay đặc biệt.

Đối với khoản vay đặc biệt của tổ chức tín dụng từ Ngân hàng Nhà nước đã được Thủ tướng Chính phủ quyết định trước ngày 15/10/2025, các bên tiếp tục thực hiện theo Quyết định cho vay đặc biệt của Thủ tướng Chính phủ, hợp đồng cho vay đặc biệt đã ký. Ngân hàng Nhà nước xem xét gia hạn thời hạn vay đặc biệt với lãi suất 0%/năm theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

Về quyền thu giữ tài sản bảo đảm, [Luật số 96/2025/QH15](#) yêu cầu bên

bảo đảm, người đang giữ tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu có nghĩa vụ giao tài sản bảo đảm kèm theo giấy tờ, hồ sơ pháp lý của tài sản bảo đảm cho tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ để xử lý theo thỏa thuận trong hợp đồng bảo đảm hoặc trong văn bản khác và quy định của pháp luật. Nếu việc giao tài sản không được thực hiện, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ được thu giữ tài sản bảo đảm. Ủy ban nhân dân cấp xã và cơ quan Công an cấp xã nơi tiến hành thu giữ tài sản bảo đảm có trách nhiệm thực hiện việc bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội trong quá trình thu giữ tài sản bảo đảm. Nếu bên bảo đảm không hợp tác hoặc không có mặt theo thông báo thì đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã nơi tiến hành thu giữ tài sản bảo đảm tham gia chứng kiến và ký biên bản thu giữ tài sản bảo đảm.

Luật cũng xác định giới hạn về việc ủy quyền thu giữ tài sản. Cụ thể, tổ chức tín dụng chỉ được ủy quyền thu giữ tài sản bảo đảm cho công ty quản lý nợ và khai thác tài sản của tổ chức tín dụng đó. Tổ chức mua bán, xử lý nợ chỉ được ủy quyền thu giữ tài sản bảo đảm cho tổ chức tín dụng bán nợ, công ty quản lý nợ và khai thác tài sản của tổ chức tín dụng bán nợ. Tổ chức tín dụng được chuyển giao bắt buộc được ủy quyền thu giữ tài sản bảo đảm cho tổ chức tín dụng nhận chuyển giao bắt buộc hoặc công ty quản lý nợ và khai thác tài sản của tổ chức tín dụng nhận chuyển giao bắt buộc.

VĂN BẢN CỦA CHÍNH PHỦ, THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

5. BỔ SUNG QUY ĐỊNH VỀ XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRÊN MÔI TRƯỜNG ĐIỆN TỬ

Ngày 01/7/2025, Chính phủ ban hành [Nghị định 190/2025/NĐ-CP](#) sửa đổi, bổ sung một số điều của [Nghị định số 118/2021/NĐ-CP](#) ngày 23/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính được sửa đổi, bổ sung theo [Nghị định số 68/2025/NĐ-CP](#) ngày 18/3/2025 của Chính phủ và [Nghị định số 120/2021/NĐ-CP](#) ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn.

Nghị định này có hiệu lực từ ngày 01/07/2025, trong đó bổ sung các quy định về xử lý vi phạm hành chính trên môi trường điện tử.

Việc áp dụng phương thức điện tử trong xử lý vi phạm hành chính được thực hiện khi đáp ứng các điều kiện sau: (i) Cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính có phương tiện điện tử phù hợp, có hệ thống thông tin đáp ứng yêu cầu cơ bản đối với hệ thống thông tin, nền tảng số phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước trên môi trường điện tử; (ii) Cá nhân, tổ chức bị xử phạt có phương tiện điện tử phù hợp, có khả năng tiếp cận, tương tác và chấp nhận thực hiện toàn bộ hoặc một phần quy trình xử lý vi phạm hành chính thông qua phương thức điện tử; (iii) Các điều kiện về bảo mật, an toàn thông tin mạng, xác thực điện tử và lưu trữ dữ liệu được bảo đảm theo quy định

của pháp luật; (iv) Hệ thống thông tin, phần mềm, cơ sở dữ liệu dùng trong xử lý vi phạm hành chính được kết nối, liên thông hoặc có khả năng kết nối, chia sẻ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính và các hệ thống quản lý nhà nước có liên quan.

Các biên bản, quyết định và các tài liệu khác trong xử lý vi phạm hành chính trên môi trường điện tử có thể gửi đến địa chỉ thư điện tử của người vi phạm, đại diện tổ chức vi phạm, bị xử phạt đã thông báo với người có thẩm quyền; gửi qua ứng dụng định danh quốc gia/tài khoản định danh điện tử hoặc gửi qua ứng dụng được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật của ngành, lĩnh vực, địa phương; gửi tin nhắn SMS đến số điện thoại của người vi phạm, đại diện tổ chức vi phạm, bị xử phạt đã thông báo với người có thẩm quyền; hoặc gửi đến địa chỉ thư điện tử của cơ quan thu tiền phạt và cơ quan liên quan khác (nếu có) để thi hành.

6. CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA ĐẠI HỌC QUỐC GIA

Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Đại học Quốc gia được quy định tại [Nghị định 201/2025/NĐ-CP](#) ngày 11/07/2025 của Chính phủ.

Đại học Quốc gia là cơ sở giáo dục đại học công lập do Bộ Giáo dục và Đào tạo quản lý. Đại học quốc gia có chức năng đào tạo các trình độ của giáo dục đại học, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ đa ngành, đa lĩnh vực chất lượng cao

và có một số lĩnh vực đào tạo dẫn đầu trong nước và được xếp hạng cao trên thế giới.

Nhiệm vụ và quyền hạn của Đại học quốc gia được quy định tại Điều 3 của Nghị định. Cụ thể, về hoạt động đào tạo: Phát triển, nâng cao chất lượng giáo dục đại học để đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh của đất nước; đẩy mạnh hợp tác và hội nhập quốc tế nhằm phát triển giáo dục đại học Việt Nam ngang tầm khu vực và thế giới; xây dựng, triển khai các chương trình đào tạo thực hành, chuyên, đặc biệt, năng khiếu, tài năng ở tất cả các trình độ đào tạo nhằm phát hiện, đào tạo, bồi dưỡng nhân tài khoa học và công nghệ; triển khai các chương trình đào tạo đã được thực hiện trong nước ra nước ngoài thông qua các chương trình hợp tác, liên kết quốc tế phù hợp quy định của pháp luật. Về hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo: Nghiên cứu, cung cấp luận cứ khoa học nhằm góp phần xây dựng định hướng, chủ trương, chính sách, chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, bảo đảm quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế; tổ chức hoạt động khoa học và công nghệ trong các lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn, khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật và công nghệ theo hướng liên ngành, liên lĩnh vực thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo gắn với đào tạo nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài khoa học và công nghệ, góp phần phát triển kinh tế - xã hội; đề xuất và thực hiện các chương trình

khoa học và công nghệ cấp quốc gia, cấp bộ khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt; xây dựng, tổ chức chương trình hợp tác khoa học và công nghệ trong và ngoài nước về hoạt động đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo.

Nghị định này có hiệu lực từ ngày 01/9/2025.

7. QUY ĐỊNH VỀ CHỨNG TỪ THANH TOÁN KHÔNG DÙNG TIỀN MẶT

[Nghị định 181/2025/NĐ-CP](#) ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của [Luật Thuế giá trị gia tăng](#), trong đó quy định cơ sở kinh doanh phải có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt đối với hàng hóa, dịch vụ mua vào (bao gồm cả hàng hóa nhập khẩu) từ 05 triệu đồng trở lên đã bao gồm thuế giá trị gia tăng. Chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt là chứng từ chứng minh việc thanh toán không dùng tiền mặt theo quy định của [Nghị định 52/2024/NĐ-CP](#) ngày 15/5/2024 của Chính phủ về thanh toán không dùng tiền mặt, trừ các chứng từ bên mua nộp tiền mặt vào tài khoản của bên bán.

Theo [Điều 26](#) của Nghị định, trường hợp mua hàng hóa, dịch vụ của một người nộp thuế có giá trị dưới 05 triệu đồng nhưng mua nhiều lần trong cùng một ngày có tổng giá trị từ 05 triệu đồng trở lên thì chỉ được khấu trừ thuế đối với trường hợp có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt. Bên cạnh đó, [khoản 2 Điều 26](#) của Nghị định hướng dẫn chi tiết một số trường hợp đặc thù theo quy định tại [điểm b khoản 2 Điều 14 Luật Thuế giá trị gia tăng](#).

Nghị định này quy định chi tiết về người nộp thuế tại khoản 1, 4 và khoản 5 [Điều 4](#) và người nộp thuế trong trường hợp nhà cung cấp nước ngoài cung cấp dịch vụ cho người mua là tổ chức kinh doanh tại Việt Nam áp dụng phương pháp khấu trừ thuế quy định tại [khoản 4 Điều 4](#), đối tượng không chịu thuế tại [Điều 5](#), giá tính thuế tại [Điều 7](#), thời điểm xác định thuế giá trị gia tăng tại [khoản 2 Điều 8](#), thuế suất tại [khoản 1, 2 Điều 9](#), phương pháp khấu trừ thuế tại [Điều 11](#), phương pháp tính trực tiếp tại [khoản 1 Điều 12](#), khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào tại [Điều 14](#) và hoàn thuế giá trị gia tăng tại [Điều 15](#) của Luật Thuế giá trị gia tăng.

Từ ngày 01/7/2025, Nghị định này thay thế [Nghị định số 209/2013/NĐ-CP](#) ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều [Luật Thuế giá trị gia tăng](#) và các Nghị định sửa đổi, bổ sung [Nghị định 209/2013/NĐ-CP](#).

8. KẾT NỐI, CHIA SẺ DỮ LIỆU TRONG GIAO DỊCH ĐIỆN TỬ CỦA CƠ QUAN NHÀ NƯỚC

Kết nối, chia sẻ dữ liệu trong giao dịch điện tử của cơ quan nhà nước là một nội dung quan trọng tại [Nghị định số 194/2025/NĐ-CP](#) ngày 03/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của [Luật Giao dịch điện tử](#) về cơ sở dữ liệu quốc gia, kết nối và chia sẻ dữ liệu, dữ liệu mở phục vụ giao dịch điện tử của cơ quan nhà nước.

Theo đó, trừ khi pháp luật có quy định không chia sẻ, dữ liệu trong cơ quan nhà nước phải được chia sẻ cho cơ quan, tổ chức, cá nhân trong các

trường hợp sau: (i) Dữ liệu phát sinh từ cơ quan nhà nước nào, thì cơ quan nhà nước đó được chia sẻ lại; (ii) Cơ quan nhà nước quản lý ngành, lĩnh vực tại địa phương được chia sẻ dữ liệu từ các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu của bộ, ngành theo phạm vi ngành, lĩnh vực quản lý của cơ quan nhà nước đó; (iii) Cơ sở dữ liệu dùng chung của cấp nào thì các đơn vị thuộc, trực thuộc cấp đó được chia sẻ phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao.

Ngoài ra, dữ liệu sử dụng chung, dữ liệu mở trong cơ quan nhà nước mặc định phải được chia sẻ cho các cơ quan nhà nước để phục vụ các hoạt động quản lý nhà nước theo thẩm quyền khi có đề nghị. Trường hợp từ chối phải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do và căn cứ pháp luật hạn chế chia sẻ dữ liệu.

Cơ quan nhà nước được chia sẻ dữ liệu chủ trong cơ sở dữ liệu quốc gia, hoặc trong cơ sở dữ liệu của bộ, ngành, địa phương, thì không được yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin tương đương bằng văn bản giấy khi thực hiện các thủ tục hành chính, hoạt động hành chính, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. Dữ liệu chủ trong cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu của bộ, ngành, địa phương có giá trị sử dụng chính thức, tương đương văn bản giấy được cơ quan có thẩm quyền cung cấp theo quy định của Luật Giao dịch điện tử.

Cơ quan nhà nước quản lý cơ sở dữ liệu phải công bố thông tin về dữ liệu đang quản lý và các điều kiện tiếp cận dữ liệu trên môi trường mạng.

Nghị định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 19/8/2025.

9. CÁC GIẤY TỜ, TÀI LIỆU ĐƯỢC MIỄN HỢP PHÁP HÓA LÃNH SỰ

Ngày 04/7/2025, Chính phủ ban hành [Nghị định 196/2025/NĐ-CP](#) sửa đổi [Nghị định 111/2011/NĐ-CP](#) về chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự, trong đó có quy định các giấy tờ, tài liệu được miễn hợp pháp hóa lãnh sự. Đó là giấy tờ, tài liệu được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo điều ước quốc tế mà Việt Nam và nước ngoài liên quan đều là thành viên, hoặc theo nguyên tắc có đi có lại; giấy tờ, tài liệu được chuyển giao trực tiếp hoặc qua đường ngoại giao giữa cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam và cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài; giấy tờ, tài liệu được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật Việt Nam; giấy tờ, tài liệu của nước ngoài mà cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam không yêu cầu phải hợp pháp hóa lãnh sự trên cơ sở cơ quan đó tự xác định được tính xác thực của giấy tờ, tài liệu đó.

Bên cạnh đó, Nghị định cũng quy định các giấy tờ, tài liệu không được chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự, gồm: Giấy tờ, tài liệu bị sửa chữa, tẩy xóa nhưng không được đính chính theo quy định pháp luật; giấy tờ, tài liệu giả mạo theo kết luận của cơ quan có thẩm quyền hoặc được lập, cấp, chứng nhận sai, không đúng thẩm quyền, bị làm giả theo kết quả trả lời, xác minh của cơ quan lập, cấp, chứng nhận giấy tờ, tài liệu hoặc cơ quan quản lý nhà nước cấp trên của cơ quan lập, cấp, chứng nhận giấy tờ, tài liệu; giấy tờ, tài liệu

có chữ ký, con dấu không phải là chữ ký gốc, con dấu gốc đối với giấy tờ tài liệu không phải bản điện tử; giấy tờ, tài liệu có nội dung xâm phạm lợi ích của Nhà nước Việt Nam; bản điện tử của giấy tờ tài liệu không có chữ ký số của cơ quan, người có thẩm quyền, không bảo đảm tính toàn vẹn của dữ liệu, tính xác thực, tính chống chối bỏ theo các quy định về giao dịch điện tử, chữ ký số và văn bản điện tử.

Nghị định có hiệu lực thi hành từ ngày 03/8/2025. Quy định về chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự điện tử áp dụng từ ngày 01/01/2026.

10. SỬA ĐỔI QUY ĐỊNH VỀ BAN HÀNH VÀ KIỂM TRA VĂN BẢN PHÁP LUẬT

[Nghị định số 187/2025/NĐ-CP](#) được Chính phủ ban hành ngày 01/7/2025, sửa đổi, bổ sung một số điều của [Nghị định số 78/2025/NĐ-CP](#) và [Nghị định số 79/2025/NĐ-CP](#).

Sửa đổi, bổ sung một số điều của [Nghị định số 78/2025/NĐ-CP](#) ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, [Nghị định 187/2025/NĐ-CP](#) nêu rõ: Cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản có trách nhiệm đăng tải dự án, dự thảo văn bản trên cổng hoặc trang thông tin điện tử theo quy định của Luật và Nghị định này, trừ trường hợp nội dung văn bản quy phạm pháp luật thuộc phạm vi bí mật nhà nước. Cơ quan, đơn vị chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết, quy định biện pháp cụ thể để tổ chức, hướng dẫn thi hành văn bản quy phạm pháp luật có trách nhiệm

rà soát, xác định các nội dung của văn bản quy định chi tiết, quy định biện pháp cụ thể để tổ chức, hướng dẫn thi hành tiếp tục có hiệu lực; xây dựng dự thảo nghị quyết hành chính hoặc quyết định hành chính để công bố toàn bộ hoặc một phần văn bản quy định chi tiết, quy định biện pháp cụ thể để tổ chức, hướng dẫn thi hành văn bản quy phạm pháp luật tiếp tục có hiệu lực, trình cơ quan, người có thẩm quyền. Cơ quan, người có thẩm quyền ban hành văn bản quy định chi tiết, quy định biện pháp cụ thể để tổ chức, hướng dẫn thi hành văn bản quy phạm pháp luật có trách nhiệm ban hành nghị quyết hành chính hoặc quyết định hành chính trước ngày có hiệu lực của văn bản được sửa đổi, bổ sung, thay thế.

Hội đồng nhân dân các cấp ban hành nghị quyết hành chính để

quyết định việc áp dụng hoặc bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân của đơn vị hành chính được nhập. Ủy ban nhân dân các cấp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định hành chính để quyết định việc áp dụng hoặc bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân các cấp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh của đơn vị hành chính được nhập.

Nghị định này cũng sửa đổi, bổ sung một số điều của [Nghị định số 79/2025/NĐ-CP](#) ngày 01/4/2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật. Nội dung sửa đổi, bổ sung gồm các quy định về văn bản thuộc đối tượng kiểm tra, tự kiểm tra văn bản,...

VĂN BẢN CỦA BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

11. HƯỚNG DẪN VỀ THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ngày 01/07/2025, Bộ Tài chính đã ban hành [Thông tư 69/2025/TT-BTC](#) quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng và hướng dẫn thực hiện [Nghị định 181/2025/NĐ-CP](#) ngày 01 tháng 07 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của [Luật Thuế giá trị gia tăng](#). Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01/07/2025.

Thông tư này quy định chi tiết về hồ sơ, thủ tục xác định đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng tại Điều 5, hồ sơ, thủ tục áp dụng thuế suất thuế giá trị gia tăng 0% tại khoản 1 Điều 9, nhóm hàng hóa,

dịch vụ thuộc đối tượng áp dụng theo tỷ lệ % tại điểm b khoản 2 Điều 12, chứng từ nộp thuế giá trị gia tăng thay cho phía nước ngoài tại [điểm a khoản 2 Điều 14](#) của [Luật Thuế giá trị gia tăng](#).

Thông tư cũng hướng dẫn cách xác định số thuế giá trị gia tăng được hoàn đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu tại khoản 2 Điều 29, cách xác định số thuế giá trị gia tăng được hoàn đối với hoạt động sản xuất hàng hóa, cung cấp dịch vụ chịu thuế suất thuế giá trị gia tăng 5% tại Điều 31, thuế giá trị gia tăng áp dụng đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam tại Điều 13,

VĂN BẢN TRÊN BÀN SOẠN THẢO

1. DỰ THẢO LUẬT TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ

Bộ Tài chính đang lấy ý kiến đối với dự thảo [Luật Tiết kiệm, chống lãng phí](#). Luật này được ban hành để thay thế Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2013 và dự kiến có hiệu lực từ ngày 01/7/2026.

Dự thảo [Luật Tiết kiệm, chống lãng phí](#) quy định về tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý và sử dụng tài chính công, vốn nhà nước, vốn đầu tư công, tài sản công, lao động và thời gian lao động trong khu vực nhà nước; quản lý, khai thác và sử dụng tài nguyên, năng lượng; hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân.

Dự thảo Luật xác định đầy đủ, cụ thể trách nhiệm, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức, tập thể, cá nhân trong quản lý, sử dụng các nguồn lực của nền kinh tế, nhất là người đứng đầu đối với công tác phòng, chống lãng phí. Theo đó, dự thảo Luật quy định 10 nhóm quyền và trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức và 06 nhóm quyền và trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức.

Đáng lưu ý, cán bộ, công chức, viên chức có trách nhiệm thực hiện chương trình, kế hoạch, mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm và yêu cầu chống lãng phí được giao; quản lý, sử dụng vốn nhà nước, vốn đầu tư công, tài

sản công được giao đúng mục đích, định mức, tiêu chuẩn, chế độ; giải trình và chịu trách nhiệm cá nhân về việc để xảy ra lãng phí thuộc phạm vi quản lý, sử dụng. Họ cũng có trách nhiệm tham gia hoạt động thanh tra nhân dân, tham gia giám sát, đề xuất các biện pháp, giải pháp tiết kiệm, chống lãng phí trong cơ quan, tổ chức và trong lĩnh vực công tác được phân công; kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý hành vi gây lãng phí theo thẩm quyền. Họ được đề xuất đổi mới, sáng tạo trong quá trình thực hiện chức trách nhiệm vụ được giao xuất phát từ yêu cầu, đòi hỏi cấp thiết của thực tiễn nhằm tháo gỡ, giải quyết những điểm nghẽn, nút thắt trong cơ chế, chính sách theo quy định pháp luật...

Dự thảo Luật hoàn thiện các quy định về nhận diện hành vi gây lãng phí, hành vi vi phạm trong tổ chức thực hiện phòng, chống lãng phí và chế tài xử lý đối với các hành vi này. Cụ thể, dự thảo Luật quy định 09 nhóm hành vi gây lãng phí (bổ sung thêm 04 nhóm hành vi so với quy định hiện hành) và 09 nhóm hành vi vi phạm trong tổ chức thực hiện phòng, chống lãng phí.

Cùng với đó, dự thảo Luật cũng hoàn thiện các quy định về khen thưởng trong công tác tiết kiệm, chống lãng phí; phát hiện lãng phí và trách nhiệm xử lý thông tin phát hiện lãng phí, bảo vệ người đấu tranh chống lãng phí để khuyến

khích mọi cá nhân, tổ chức tích cực tham gia vào công tác tiết kiệm, chống lãng phí.

Dự thảo Luật cũng bổ sung các quy định để tạo cơ sở pháp lý đầy đủ, đồng bộ cho giám sát, kiểm tra, thanh tra, phát hiện, xử lý mạnh, có tính răn đe cao đối với các hành vi lãng phí.

2. ĐỀ XUẤT CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH BẢO ĐẢM NGUỒN NHÂN LỰC TRONG XÂY DỰNG PHÁP LUẬT

Dự thảo Nghị định hướng dẫn thi hành một số điều của [Nghị quyết số 197/2025/QH15](#) ngày 17/5/2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật do Bộ Tư pháp chủ trì soạn thảo.

Dự thảo Nghị định hướng dẫn một số điều của [Nghị quyết số 197/2025/QH15](#) theo 03 nhóm nội dung chính: (i) Danh mục nhiệm vụ, hoạt động và định mức khoán chi cho các nhiệm vụ, hoạt động trong xây dựng pháp luật và thực hiện một số nhiệm vụ, hoạt động tổ chức thi hành pháp luật hỗ trợ trực tiếp cho xây dựng pháp luật; (ii) Tổ chức và hoạt động của Quỹ hỗ trợ xây dựng chính sách, pháp luật; (iii) Bảo đảm nguồn nhân lực trong xây dựng pháp luật và một số nhiệm vụ, hoạt động tổ chức thi hành pháp luật hỗ trợ trực tiếp cho xây dựng pháp luật.

Để bảo đảm cơ sở pháp lý khả thi nhằm thu hút, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tham gia các nhiệm vụ, hoạt động xây dựng pháp luật, thi hành pháp luật theo tinh thần của [Nghị quyết số 66-NQ/TW](#), hướng dẫn thực hiện Điều 8, Điều 9

của [Nghị quyết số 197/2025/QH15](#), dự thảo Nghị định quy định theo hướng:

Thứ nhất, quy định về điều kiện, đối tượng và trách nhiệm của cơ quan, đơn vị, tổ chức liên quan trong xây dựng và thực hiện chương trình đào tạo chuyên sâu về xây dựng pháp luật.

Thứ hai, xác định một số chế độ, chính sách đặc biệt đối với người tham gia xây dựng pháp luật về xét tuyển vào làm việc tại các cơ quan, đơn vị được quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo [Nghị quyết số 197/2025/QH15](#), nâng bậc lương trước thời hạn, về xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, bố trí vào vị trí việc làm của ngạch công chức cao hơn ngạch hiện giữ mà không cần bảo đảm đủ điều kiện theo khung năng lực vị trí việc làm dự kiến bố trí....

Thứ ba, quy định về cơ chế rà soát, kiểm tra, đánh giá, sàng lọc, bảo đảm yêu cầu nâng cao chất lượng nhân lực làm công tác xây dựng pháp luật để làm cơ sở kiểm tra, đánh giá, bảo đảm phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị và tương xứng với mức hỗ trợ; đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm đối với người được hưởng hỗ trợ theo quy định.

Thứ tư, quy định về cơ chế thu hút, sử dụng chuyên gia, tổ chức tư vấn, gắn với định mức chi cho việc thu hút, trọng dụng nhân tài, sử dụng chuyên gia, tổ chức tư vấn trong thực hiện nhiệm vụ, hoạt động quy định tại Điều 2 của [Nghị quyết số 197/2025/QH15](#) áp dụng theo

quy định tại Phụ lục IX kèm theo dự thảo Nghị định.

Thứ năm, quy định một số cơ chế, chính sách trong thu hút, xét tuyển, đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn cao, kinh

nghiệm thực tiễn về pháp luật quốc tế, giải quyết tranh chấp quốc tế; đưa chuyên gia Việt Nam vào làm việc tại bộ phận pháp lý của tổ chức quốc tế, tổ chức pháp lý quốc tế, cơ quan tài phán quốc tế.

GIẢI ĐÁP PHÁP LUẬT

1. Hỏi: Số tiền thu được từ khai thác tài sản công được phân bổ như thế nào?

Trả lời: Ngày 01/7/2025, Chính phủ ban hành [Nghị định số 186/2025/NĐ-CP](#) quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

Theo [điểm đ, khoản 7, Điều 14](#) của Nghị định số 186/2025/NĐ-CP, số tiền thu được từ khai thác tài sản công, sau khi trừ đi các chi phí trực tiếp có liên quan đến việc tổ chức khai thác tài sản công (chi phí xác định giá, chi phí tổ chức đấu giá, chi phí trong lựa chọn nhà thầu, chi phí điện, nước, xăng dầu, nhân công phục vụ và các chi phí khác có liên quan), thực hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà nước theo quy định của pháp luật (nếu có), phần còn lại cơ quan có tài sản công được giữ lại 50% để bổ sung nguồn chi thường xuyên hằng năm sử dụng cho công tác quản lý và các hoạt động khác được quy định cụ thể trong Quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan và được xác định là khoản thu hợp pháp khác của cơ quan; 50% nộp ngân sách nhà nước trung ương (đối với cơ quan nhà nước thuộc trung ương quản lý), nộp ngân sách địa phương (đối với cơ quan nhà nước thuộc địa phương quản lý) tại Kho bạc nhà nước nơi cơ

quan có tài sản công mở tài khoản. Cơ quan có tài sản công khai thác chịu trách nhiệm trong việc quản lý, sử dụng số tiền thu được từ việc khai thác và xác định số tiền nộp ngân sách nhà nước.

2. Hỏi: Trường hợp nào không thực hiện khoán kinh phí sử dụng tài sản công?

Trả lời: Không thực hiện khoán kinh phí sử dụng tài sản công trong các trường hợp quy định tại [khoản 4, Điều 7](#), Nghị định số 186/2025/NĐ-CP: Tài sản liên quan đến bí mật nhà nước; cơ quan nhà nước đã được giao, đầu tư xây dựng, mua sắm, thuê, thuê mua tài sản để phục vụ hoạt động, trừ trường hợp tài sản đó được xử lý theo quy định của pháp luật.

3. Hỏi: Thẩm quyền quyết định chuyển đổi công năng sử dụng tài sản công?

Trả lời: Chuyển đổi công năng sử dụng tài sản công là việc thay đổi mục đích sử dụng của tài sản công (không bao gồm việc thay đổi bố trí chức năng của các phòng, khu vực trong cùng một trụ sở làm việc). Theo [khoản 2, Điều 16](#) của Nghị định số 186/2025/NĐ-CP, cơ quan có tài sản công quyết định việc chuyển đổi công năng sử dụng tài

sản công. Cơ quan, người có thẩm quyền quyết định xử lý tài sản công quyết định việc chuyển đổi công năng sử dụng tài sản công trong trường hợp xử lý tài sản công kết hợp với chuyển đổi công năng sử dụng tài sản công.

4. Hỏi: *Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản công?*

Trả lời: [Theo Điều 17](#), tại Nghị định số 186/2025/NĐ-CP, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản công của cơ quan nhà nước thuộc

phạm vi quản lý của bộ, cơ quan trung ương. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thu hồi trụ sở làm việc của cơ quan nhà nước thuộc trung ương, địa phương khác quản lý trên địa bàn. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản công của cơ quan nhà nước thuộc phạm vi quản lý của địa phương, bao gồm cả tài sản công do Văn phòng Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quản lý, sử dụng, trừ trường hợp trụ sở làm việc trên địa bàn địa phương khác./.